

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
- Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn

nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 96/2021/TTT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin Truyền thông Quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố hồ chí minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của ủy ban nhân dân thành phố;

- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn Thành phố;

- Căn cứ Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy Ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

- Căn cứ Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án

Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

– Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-SKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

– Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-TTQLĐHGT-KHVT ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

– Căn cứ Quyết định số ____/QĐ-TTQLĐHGTĐT ngày ____ tháng ____ năm 2025 của Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Tư vấn Quản lý dự án thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

– Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

– Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

– Căn cứ Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ / ngày tháng năm 2025 của ____ về kết quả lựa chọn nhà thầu thầu gói thầu: Tư vấn Quản lý dự án thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: 02 Mai Chí Thọ, Phường An Khánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39 143 560

Fax: 028.39 143 561

E-mail: _____

Tài khoản : 9552.2.8082316 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II.

Mã số thuế: 0310374372

Đại diện là ông/bà: Đoàn Văn Tấn

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là *Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị*.
2. Nhà thầu tư vấn là
3. Dự án là dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố.
4. Công trình là *Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố*.
5. Gói thầu là Tư vấn Quản lý dự án.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.

9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

- Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng Việt

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương với 3% giá trị hợp đồng có giá trị là: Đồng.

3. Nhà thầu tư vấn sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu tư vấn khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.

5. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.

6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 6. Đối tượng hợp đồng

1. Phạm vi công việc:

Mục tiêu chính của gói thầu dịch vụ tư vấn quản lý dự án là hỗ trợ Chủ đầu tư quản lý, điều hành thực hiện dự án “Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố” đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn và chi phí xây dựng theo kế hoạch đề ra bởi Chủ đầu tư. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới tùy theo phạm vi các nội dung công việc được Chủ đầu tư giao và ủy quyền giải quyết.

Tư vấn quản lý dự án phải tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 73/2019/QĐ-CP và Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm (không bao gồm một số công tác do Chủ đầu tư tự thực hiện):

- a. Thực hiện các thủ tục và các công việc phục vụ triển khai dự án.
- b. Tổ chức lập, chuẩn bị hồ sơ thiết kế chi tiết (nếu có).
- c. Tổ chức lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu (nếu có).
- d. Đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- đ. Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí triển khai, an toàn phòng, chống cháy, nổ, an toàn vận hành và vệ sinh công nghiệp tại hiện trường.
- e. Tổ chức giám sát công tác triển khai theo quy định và các công việc tư vấn khác.
- f. Tổ chức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của dự án; thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- g. Lập báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.
- h. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:

Tư vấn quản lý dự án có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm:

- a. Nhà thầu Tư vấn quản lý dự án thực hiện các nội dung quản lý thực hiện dự án theo hợp đồng ký với chủ đầu tư.

b. Nhà thầu Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức bộ máy và cử người phụ trách trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Tư vấn quản lý dự án phải có văn bản thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của người phụ trách và bộ máy của tư vấn trực tiếp thực hiện quản lý dự án cho chủ đầu tư biết và thông báo tới các nhà thầu khác và tổ chức, cá nhân có liên quan;

c. Nhà thầu Tư vấn quản lý dự án được thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện một số phần việc quản lý dự án, nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn trong hợp đồng đã ký với chủ đầu tư;

d. Thực hiện các công việc quản lý dự án theo quy định tại Điều 45 Nghị định 73/2019/NĐ-CP và các nội dung đã cam kết trong hợp đồng; phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình quản lý dự án; chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

đ. Chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn nêu trên, Nhà thầu tư vấn quản lý dự án cần thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động sau:

– *Công tác lập dự án đầu tư điều chỉnh*

Tư vấn cho Chủ đầu tư tổ chức lập Dự án đầu tư điều chỉnh, Thiết kế cơ sở điều chỉnh (nếu có) theo đúng qui định của Pháp luật.

– *Công tác quản lý khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán*

+ Cập nhật, phối hợp với Tư vấn TKCT trong công tác thỏa thuận với địa phương (nếu có);

+ Đôn đốc việc chuẩn bị và kiểm tra hồ sơ TKCT, hồ sơ Dự toán để Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

+ Tư vấn Chủ đầu tư trong việc xem xét các nội dung TKCT có điều chỉnh thiết kế để xem xét điều chỉnh Thiết kế cơ sở hoặc Dự án đầu tư.

– *Công tác Quản lý hợp đồng:*

Tư vấn quản lý dự án là đại diện Chủ đầu tư quản lý tất cả các hợp đồng xây lắp, mua sắm hàng hóa và tư vấn theo quy định hiện hành, nội dung công việc cụ thể bao gồm các nhiệm vụ sau:

+ Theo dõi, quản lý việc thực hiện các hợp đồng của các nhà thầu khác (Xây lắp, Tư vấn giám sát, Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra và các hợp đồng khác) đã ký

kết với Chủ đầu tư, đảm bảo đáp ứng tiến độ và chất lượng công việc theo hợp đồng đã ký;

- + Hỗ trợ Chủ đầu tư trong việc lập Báo cáo giám sát đầu tư theo quy định;
- + Chỉ đạo các Nhà thầu xây lắp, Tư vấn giám sát xây dựng, rà soát kế hoạch tổng thể và tiến độ chi tiết hàng tuần, hàng tháng (kế hoạch sản lượng, kế hoạch giải ngân, tiến độ thi công) theo các biểu mẫu quy định của Chủ đầu tư để trình Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt;
- + Đánh giá tình trạng hiện tại của việc thực hiện dự án và nắm rõ các quy trình thực hiện dự án để lập kế hoạch quản lý và kiểm soát dự án;
- + Theo dõi và báo cáo Chủ đầu tư các thay đổi hoặc phát sinh liên quan đến thiết kế; thi công xây dựng; mua sắm vật tư thiết bị; an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ; chạy thử, nghiệm thu và bàn giao công trình; đào tạo vận hành; đề xuất cho Chủ đầu tư các biện pháp thích hợp để đảm bảo các thay đổi trên không ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện dự án;
- + Phối hợp với TVGS, Nhà thầu lập báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Báo cáo bao gồm các nội dung chính: tình hình thực hiện chung, khối lượng, chất lượng của từng công việc đã thực hiện và so sánh với kế hoạch đã đặt ra hoặc các hợp đồng đã ký; các vướng mắc và đề xuất biện pháp để xử lý;
- + Chủ trì trong việc xây dựng, ban hành quy trình, biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, phát sinh thay đổi... thuộc phần việc Chủ đầu tư. Rà soát các biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu các hạng mục công việc do TVGS chuẩn bị. Trình Chủ đầu tư ban hành áp dụng và chỉnh sửa các nội dung không hợp lý trong quá trình thực hiện;
- + Giúp Chủ đầu tư hệ thống hóa và kiểm soát tài liệu;
- + Kiểm tra, đôn đốc TVGS, Nhà thầu trong công tác chuẩn bị công trường của các gói thầu như: thi công các công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình (văn phòng công trường; kho bãi tập kết phục vụ thi công; hệ thống điện, nước tạm phục vụ thi công; hệ thống đường tạm, hàng rào tạm phục vụ thi công,...);
- + Kiểm tra, theo dõi và đôn đốc TVGS, Nhà thầu trong việc huy động lực lượng, máy móc, trang thiết bị thi công và kế hoạch cung ứng vật tư và các kế hoạch khác phục vụ thi công công trình của các nhà thầu;
- + Phối hợp với Đơn vị thực hiện công tác kiểm soát môi trường của dự án lập kế hoạch và triển khai theo qui định. Kiểm tra, theo dõi và đôn đốc Đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch đã được chấp thuận;
- + Kiểm tra, theo dõi và đôn đốc TVGS, Nhà thầu trong việc triển khai thực hiện công tác an toàn lao động của các Nhà thầu;

+ Phối hợp với Nhà thầu trong việc thỏa thuận trong công tác an toàn giao thông với các đơn vị có liên quan. Kiểm tra công tác triển khai thực hiện của các Nhà thầu theo thỏa thuận;

+ Kiểm tra và đánh giá, lựa chọn nguồn cung cấp các trang thiết bị thi công và phục vụ thi công, sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng... phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án. Xác định trữ lượng cung cấp, cự ly vận chuyển... để xác định cấu thành giá dự toán, quyết toán;

+ Kiểm tra và đánh giá các Nhà cung cấp cấu kiện, dây chuyền sản xuất, công nghệ chế tạo sản phẩm xây dựng, vật tư xây dựng, cấu kiện... đảm bảo chất lượng và khả năng cung cấp cho Dự án;

+ Kiểm tra và đánh giá Phòng thí nghiệm hiện trường, bao gồm: vị trí, diện tích, trang thiết bị thí nghiệm, nhân sự... đảm bảo thực hiện cho các gói thầu;

+ Kiểm tra và đánh giá việc thay đổi nhân sự chủ chốt của Nhà thầu xây lắp, Tư vấn giám sát, báo cáo Chủ đầu tư xem xét phê duyệt;

+ Trợ giúp Chủ đầu tư trong việc kiểm tra, đánh giá năng lực nhà thầu;

+ Xem xét, đánh giá năng lực nhà thầu phụ, nhà cung cấp do nhà thầu chính đề xuất sau khi được Tư vấn giám sát kiểm tra để báo cáo Chủ đầu tư phê duyệt. Báo cáo Chủ đầu tư xem xét, thay thế những nhà thầu phụ không đáp ứng yêu cầu;

+ Xem xét, kiểm tra việc ghi chép nhật ký công trình;

+ Tổ chức, chủ trì các buổi họp giao ban tại công trường do Chủ đầu tư ủy quyền và tham gia các buổi họp theo yêu cầu do Chủ đầu tư chủ trì;

+ Xem xét, kiểm tra các báo cáo định kỳ và các báo cáo khác của nhà thầu xây lắp và Tư vấn giám sát;

+ Theo dõi và điều hành các tư vấn, nhà thầu thực hiện các công việc phù hợp với các mốc và các khoảng thời gian quan trọng của dự án;

+ Thực hiện việc xem xét và đánh giá các công việc phát sinh hoặc thay đổi so với kế hoạch, tài liệu đã được phê duyệt;

+ Tổ chức nghiệm thu, hỗ trợ chủ đầu tư trong công tác thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;

+ Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra tư vấn giám sát trong việc nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc xây dựng, bộ phận công trình xây dựng phù hợp với hợp đồng đã ký với các nhà thầu và quy định hiện hành của nhà nước; đảm bảo khối lượng nghiệm thu đúng, đủ theo thực tế thi công;

+ Đôn đốc, chỉ đạo Tư vấn giám sát trong việc hướng dẫn các nhà thầu thi công lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh, quyết toán theo chỉ dẫn trong hợp đồng đã ký với

các nhà thầu đúng quy định của Chủ đầu tư, các quy định hiện hành của nhà nước; kiểm tra, xác nhận hồ sơ thanh toán do nhà thầu trình đã được tư vấn giám sát xác nhận (nếu có yêu cầu của chủ đầu tư);

- + Chỉ đạo, kiểm tra Tư vấn giám sát trong việc lập kế hoạch và các điều kiện để tiến hành việc thí nghiệm, kiểm định, chạy thử, nghiệm thu và bàn giao cho phù hợp với tiến độ tổng thể;

- + Thông báo cho Chủ đầu tư về tính đầy đủ của các công việc trước khi tiến hành nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình trước khi đưa vào sử dụng;

- + Kiểm tra, đôn đốc công tác lập hồ sơ hoàn công, soát xét khối lượng cuối cùng trên cơ sở xác nhận của Tư vấn giám sát;

- + Tư vấn Chủ đầu tư trong công tác quản lý, chỉ đạo nhà thầu và tư vấn giám sát thực hiện trách nhiệm trong giai đoạn bảo hành công trình;

- + Tư vấn Chủ đầu tư trong công tác rà soát các thủ tục pháp lý, hoàn thiện hồ sơ quyết toán để lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán;

- + Hỗ trợ Chủ đầu tư trong công tác kiểm tra hiện trường. Chủ trì chuẩn bị và cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan đến công việc của Tư vấn quản lý dự án để phối hợp với Chủ đầu tư phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán và cùng với Chủ đầu tư trong việc xử lý các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán;

- + Phối hợp với Chủ đầu tư để tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến công tác khởi công, khánh thành, tuyên truyền, quảng cáo...

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ tư vấn

Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo nội dung quy định của hợp đồng.

2. Tiến độ thực hiện hợp đồng là **... ngày**, kể từ ngày thông báo của Chủ đầu tư trình, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (*thời gian trên không bao gồm thời gian phải tạm ngừng theo yêu cầu của cấp thẩm quyền, thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng*).

3. Các bên phải có kế hoạch bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận đã ký kết.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

5. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

6. Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh theo Khoản 3 Điều 13 Hợp đồng này.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư quản lý dự án

1. Căn cứ nghiệm thu

- a) Hợp đồng tư vấn quản lý dự án đã ký kết giữa các bên.
- b) Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện dự án của Nhà thầu (trên cơ sở khối lượng thi công thực tế hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình được nghiệm thu giai đoạn).
- c) Đề cương Tư vấn quản lý dự án của nhà thầu được phê duyệt.
- d) Các báo cáo tháng thể hiện các hoạt động, điều hành, quản lý của Nhà thầu.
- e) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn ... được áp dụng cho hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

2. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn như sau:

- Sau khi gói thầu Thi công lắp đặt thiết bị và đảm bảo an toàn giao thông: được nghiệm thu giai đoạn, Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu giai đoạn cho Nhà thầu.
- Sau khi dự án được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công tác Tư vấn Quản lý dự án cho Nhà thầu.

Điều 10. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn để thanh toán cho Nhà thầu.

2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm :

– Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có), thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

– Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

– Chi phí đi lại trong việc thực hiện dịch vụ Tư vấn, khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ của nhà thầu thiết kế, thi công.

– Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

– Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

– Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

– Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 11. Loại hợp đồng

–Loại hợp đồng: *Trọn gói.*

Điều 12. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng; Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu **30%** giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là đồng.

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ thu hồi tiền tạm ứng qua các đợt thanh toán được tính theo công thức: (Tỷ lệ tạm ứng thực tế / 80%) x giá trị thanh toán), khi tổng giá trị các đợt thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư thu hồi 100% số tiền tạm ứng.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 21 [Chấm dứt hợp đồng], hoặc Điều 19 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian **10 ngày**.

Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích của hợp đồng tư vấn đã ký.

2. Tiền độ thanh toán

Căn cứ kế hoạch vốn được giao, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu như sau:

- Sau khi gói thầu Thi công và lắp đặt thiết bị có khối lượng thi công hoàn thành được nghiệm thu giai đoạn, Chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu giai đoạn và thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị khối lượng được nghiệm thu tương ứng với tỷ lệ giá trị nghiệm thu của gói thầu Thi công và lắp đặt thiết bị và tối đa đến 80% giá trị Hợp đồng.

- Sau khi dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% giá trị được nghiệm thu cho Nhà thầu

- Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, căn cứ giá trị quyết toán Chủ đầu tư thanh toán giá trị còn lại cho Nhà thầu.

Trong thời gian chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, hai bên thống nhất để Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đề nghị cơ quan cấp phát vốn chuyển khoản số tiền còn lại vào tài khoản tiền gửi chờ quyết toán của Chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước. Khi có thông báo hoặc quyết định phê duyệt quyết toán của cấp thẩm quyền, căn cứ giá trị được duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Nhà thầu.

Giá trị thanh toán chính thức là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền như Thanh tra, Kiểm toán, Kiểm tra ... thay đổi về giá trị đã được quyết toán thì giá trị thay đổi này là giá trị thay đổi chính thức cuối cùng. Trường hợp giá trị Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu vượt giá trị quyết toán của cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc giá trị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán ... (nếu có) thì Nhà thầu phải hoàn trả giá trị vượt đó vào ngân sách Thành phố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn để thanh toán cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo mẫu 03.a/TT tại Phụ lục hệ thống biểu mẫu của Nghị định số 99/2021/ND-CP.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo mẫu 03.c/TT tại Phụ lục hệ thống biểu mẫu của Nghị định số 99/2021/ND-CP.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4. Tài khoản thanh toán :

Điều 13. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn

1. Điều chỉnh giá hợp đồng:

Các trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự và thủ tục thực hiện:

– Trường hợp dự toán chi phí Tư vấn quản lý dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá trị hợp đồng đã ký thì giá hợp đồng được điều chỉnh theo dự toán được phê duyệt nhân với tỷ lệ giảm giá của gói thầu.

– Trường hợp dự toán chi phí Tư vấn quản lý dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt cao hơn giá trị hợp đồng đã ký thì giá hợp đồng vẫn giữ nguyên không thay đổi.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng được quy định như sau:

– Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

– Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

Điều 14. Trách nhiệm của Bên B

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn (Bên B):

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Nhà thầu đảm bảo rằng tất cả các công việc Nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các qui định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư.

b) Nhà thầu phải đảm bảo điều hành và quản lý dự án nhằm hoàn thành đảm bảo chất lượng, an toàn, đúng tiến độ, đúng thiết kế được duyệt và bảo vệ môi trường.

c) Nhà thầu phải lập đề cương thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án.

d) Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm công việc của mình, công việc được thực hiện bởi Nhà thầu phải do các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, trình độ thực hiện, đáp ứng yêu cầu của Dự án.

đ) Nhà thầu sẽ thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của Chủ đầu tư để hoàn thành Dự án. Nhà thầu sẽ luôn luôn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến Dự án cho Chủ đầu tư.

e) Nhà thầu có trách nhiệm thường xuyên quản lý, giám sát, đôn đốc các Nhà thầu, các nhà tư vấn khác đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã được đề ra, đảm bảo chất lượng và an toàn của toàn bộ dự án.

g) Nhà thầu sẽ sắp xếp, bố trí nhân lực của mình và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để phục vụ công việc của mình.

h) Nhà thầu phải cam kết rằng, khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm do Chủ đầu tư ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao Công trình.

i) Nhà thầu sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chủ đầu tư, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

j) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định đối với các công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu ...với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

k) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về mọi hoạt động do nhân lực của mình thực hiện.

l) Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định của pháp luật (nếu có).

m) Nhà thầu phải bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của Chủ đầu tư trong việc quá trình thực hiện các công việc của mình.

n) Nhà thầu phải huy động nhân sự theo đúng hồ sơ dự thầu và thiết lập văn phòng Quản lý dự án hiện trường của Nhà thầu tại khu vực thực hiện dự án.

o) Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

p) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình thực hiện công việc.

q) Nhà thầu phải có trách nhiệm cử người có đủ chuyên môn theo hồ sơ dự thầu cùng với Chủ đầu tư chứng minh, bảo vệ sự chính xác đầy đủ của các tài liệu liên quan đến khối lượng, chất lượng của công trình trước các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo hợp đồng này.

r) Nhà thầu phải có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích tất cả các tài liệu, thiết bị hay bất kỳ tài sản nào do Chủ đầu tư trang bị cho và có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ đầu tư khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng trong tình trạng hoạt động tốt.

s) Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo mật các tài liệu, thông tin liên quan đến dự án.

t) Nhà thầu sẽ phúc đáp bằng văn bản các yêu cầu hoặc đề nghị của Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hoặc đề nghị đó.

u) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin giao dịch của Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu cung cấp thông tin sai dẫn đến việc thanh toán sai, bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt Chủ đầu tư thì Nhà thầu có trách nhiệm thay mặt Chủ đầu tư đóng các khoản phạt (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của Bên A

1. Quyền của Chủ đầu tư (Bên A)

- a) Chủ đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật;
- b) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn của Tư vấn theo Hợp đồng này;
- c) Có quyền kiểm tra bất kỳ hoặc định kỳ công việc tư vấn quản lý dự án của Nhà thầu trong suốt quá trình thực hiện dự án;
- d) Có quyền thực thi các điều khoản phạt đối với các công việc không đảm bảo yêu cầu về chất lượng hoặc tiến độ của Nhà thầu;
- e) Chủ đầu tư có quyền đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định;
- f) Trong quá trình thực hiện, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn nếu thấy cần thiết;
- g) Chủ đầu tư có quyền hoãn, ngừng việc thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán quy định tại Hợp đồng này nếu nhận thấy, phát hiện ra Nhà thầu có dấu hiệu, khả năng không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này do lỗi cố ý hay lỗi do cẩu thả của Nhà thầu trong việc thực hiện dịch vụ tư vấn. Việc hoãn, ngừng thanh toán sẽ được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu nêu rõ bản chất lỗi yêu cầu Nhà thầu sửa chữa thiếu sót hay cố ý đó trong thời hạn được xác định rõ trong thông báo này;
- h) Chấm dứt, không thanh toán, phạt giá trị hợp đồng nếu nhà thầu thi công vi phạm hoặc Nhà thầu có hành vi thông đồng, gây cản trở, khó khăn với nhà thầu thi công.
- i) Kiểm tra công việc, giám sát thời gian, nhân lực của nhà thầu tư vấn nếu thấy cần thiết.
- j) Có quyền không nghiệm thu sản phẩm do Nhà thầu thực hiện không đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật về xây dựng và yêu cầu chính đáng của Chủ đầu tư;
- k) Trong mọi trường hợp có sự bất đồng giữa hai bên, quyền quyết định cuối cùng là của Chủ đầu tư.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho Nhà thầu các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của Nhà thầu.

b) Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho Nhà thầu file scan của tất cả các tài liệu liên quan đến thiết kế, hợp đồng đã ký kết với các Nhà thầu khác.

c) Chủ đầu tư sẽ cùng hợp tác với Nhà thầu và tạo điều kiện đến mức tối đa cho Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

d) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng này.

đ) Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu trong vòng 05 ngày làm việc.

e) Nhân lực của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Nhà thầu.

g) Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của Nhà thầu.

h) Chủ đầu tư sẽ cấp biên bản xác nhận việc hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng này cho Nhà thầu. Tuy nhiên tất cả việc phê duyệt hay cấp bất kỳ văn bản nào của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng này.

Điều 16. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục 2 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 17. Việc bảo mật

Ngoại trừ những nhiệm vụ được Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nào về công việc của mình hoặc bất cứ thông tin nào liên quan đến Dự án mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư.

Điều 18. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định (nếu có).

Điều 19. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng trong tương lai. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý, xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh ...

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

– Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 20. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán (khi Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ) theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 21. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau **10 ngày** kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc hoặc **10 ngày** liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 19 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là **10 ngày** trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 45 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 12 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 22. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư **06 bộ** tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

b) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

c) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 21 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 10 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung

đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 30 ngày.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Trường hợp dự án bị chậm tiến độ thi công do lỗi của đơn vị Tư vấn Quản lý dự án (không đôn đốc, nhắc nhở, kiểm soát việc thực hiện của nhà thầu thi công theo nội dung, phạm vi công việc nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này) thì Tư vấn Quản lý dự án bị phạt **2%** giá trị hợp đồng cho việc làm chậm thời gian thi công 10 ngày đầu tiên, và bị phạt thêm **2%** giá trị hợp đồng cho mỗi đợt chậm 05 ngày tiếp theo cho đến khi mức phạt bằng **12%** giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng.

- Trường hợp đơn vị Tư vấn Quản lý dự án không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng các nội dung, phạm vi công việc nêu tại Điều 6 của Hợp đồng làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình hoặc có những sai sót được xác định do lỗi của đơn vị Tư vấn Quản lý dự án thì Tư vấn Quản lý dự án bị phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm bị Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở, khi khi mức phạt hợp đồng bằng **12%** giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng.

- Tổng số tiền bị phạt đối với các vi phạm trên không quá 12% giá trị Hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 25. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ hai bên ký kết.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này bao gồm trang, và 04 Phụ lục, được lập thành 07 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 01 bản.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]